

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2023/DS-ST**

Ngày: 19-10-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị Kinh O, sinh năm 1958; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố 1, phường ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Đặng Minh Q, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 1, phường ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Ông C, bà O có mặt, ông Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O trình bày:

Do quen biết nên ngày 22/3/2022, ông C, bà O cho ông Q vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), thời hạn vay 06 tháng. Hai bên có ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 00865, quyển số 01/2022.TP/CC- SCC/HĐGD ngày 22/3/2022 tại Văn phòng công chứng HTC. Sau khi ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng,

ông C, bà O rút tiền từ Ngân hàng S chi nhánh CT về nhà giao trực tiếp bằng tiền mặt cho ông Q. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Ông Q đóng lãi được vài tháng thì ngưng đến nay. Nay đã quá hạn hợp đồng vay nhưng ông Q chưa trả tiền cho ông C, bà O.

Do vậy, ông C, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả cho ông C, bà O số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đặng Minh Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 479 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O, buộc ông Đặng Minh Q phải trả cho ông C, bà O số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đặng Minh Q có nơi cư trú tại tổ 1, khu phố 1, phường ML, thị xã CT, tỉnh BP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đặng Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O về việc buộc ông Đặng Minh Q phải trả cho ông C, bà O số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), thấy rằng:

Ông C, bà O trình bày ngày 22/3/2022, ông C, bà O cho ông Q vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Việc vay tiền các bên có lập Hợp đồng vay tiền. Ông C, bà O cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng HTC, số công chứng 00865, quyền số 01/2022.TP/CC- SCC/HĐGD ngày 22/3/2022. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Q có vay của ông C, bà O số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà O xác định ông Q chưa trả cho ông C, bà O tiền nợ gốc. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q theo quy định. Tuy nhiên, ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Q trả cho ông C, bà O số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

[2.2] Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Minh Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 72.000.000 đồng + (2% x (3.000.000.000 đồng - 2.000.000.000 đồng)) = 92.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O

1. Buộc ông Đặng Minh Q trả cho ông C, bà O số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đặng Minh Q phải chịu 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn C, bà Vũ Thị Kim O không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trả lại cho ông C, bà O số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012335 ngày 29/5/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã CT;
- CCTHADS thị xã CT;
- TAND tỉnh HTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Thư